

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 17/2018/DSPT
Ngày 25 - 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/12/2017 và ngày 25/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2017/TLPT- DS ngày 18/10/2017, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 25/2017/QĐ-PT ngày 27/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn S; địa chỉ: Thôn H, Xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A; địa chỉ: Thôn Đ, Xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; đều có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị A.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Văn C; địa chỉ: Khối 4, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Văn S trình bày:

Ngày 10/8/2011 âm lịch (07/9/2011 dương lịch) gia đình bà A, ông H có vay của ông 80.000.000 đồng, sau đó đến ngày 10/02/2012 âm lịch (02/3/2012 dương lịch) đã trả 20.000.000 đồng và lãi phát sinh. Sau đó các bên tiến hành hủy

giấy vay tiền ngày 10/8/2011 âm lịch, đồng thời xác lập giấy vay mới để xác nhận còn nợ ông 60.000.000 đồng. Ông H là người trực tiếp viết giấy vay nợ đề ngày 10/02/2012 âm lịch, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và thỏa thuận khi nào ông cần tiền thì lấy lại. Tuy nhiên, cuối năm 2012 đến nay đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà A trả nợ nhưng không được, do đó ông làm đơn khởi kiện ra Tòa.

Về lãi suất: Đối với khoản vay 60.000.000 đồng, kể từ ngày 10/02/2012 âm lịch đến nay, ông H bà A đã trả lãi 13.200.000 đồng. Cụ thể: ngày 10/7/2012 âm lịch (26/8/2012 dương lịch) đã trả 05 tháng lãi 6.000.000 đồng; ngày 10/9/2012 trả 2.200.000 đồng; ngày 12/11/2013 âm lịch trả 1.500.000 đồng; ngày 21/11/2013 âm lịch trả 2.500.000 đồng; ngày 16/8/2014 âm lịch trả 1.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông H, bà A trả 60.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính theo quy định pháp luật. Không đồng ý với việc ông H, bà A cho rằng đã trả 50.400.000 đồng tiền lãi phát sinh và không đồng ý việc bị đơn cung cấp chứng cứ đã trả lãi 44.200.000 đồng theo bản tài liệu theo dõi trả lãi cho chú S do bị đơn cung cấp.

Việc bị đơn cho rằng các bên có thỏa thuận miệng với nhau thời hạn trả nợ 02 năm là không đúng, chúng tôi chỉ thỏa thuận miệng khi nào cần thì tôi lấy lại tài sản mà thôi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về khoản nợ gốc, xác định trình bày của ông S là đúng sự thật. Tuy nhiên, về thời hạn trả chúng tôi thỏa thuận miệng với nhau 02 năm sẽ trả, tức là đến ngày 10/02/2014 âm lịch sẽ trả khoản nợ này. Nhưng vì hoàn cảnh khó khăn tôi chưa trả được 60.000.000 đồng. Nay ông S khởi kiện, ông chấp nhận trả 60.000.000 đồng.

Về lãi suất, theo “giấy theo dõi trả lãi cho chú S” hiện chúng tôi đã trả 44.200.000 đồng, nên ông đề nghị được khấu trừ vào nghĩa vụ trả nợ. Ông không đồng ý, ông S cho rằng chúng tôi mới trả 13.200.000 đồng lãi suất phát sinh đối với khoản nợ 60.000.000 đồng. Ông khẳng định ông S đã yêu cầu chúng tôi trả khoản vay 60.000.000 đồng là vào cuối năm 2013. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Đinh Thị A trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của ông H và chấp nhận trả 60.000.000 đồng. Hiện nay, vợ chồng tôi đã trả 44.200.000 đồng tiền lãi suất đối với khoản nợ 60.000.000 đồng. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng ông Trần Văn C trình bày:

Ông có vay của ông H, bà A số tiền 50.000.000 đồng. Ông không liên quan và không biết việc vợ chồng ông H, bà A vay tiền của ông S nhưng có hai lần ông S đi cùng vợ chồng ông H, bà A xuống nhà ông để lấy tiền lãi, tổng số

tiền ông đưa cho ông H, bà A 4.000.000 đồng (01 lần 2.500.000 đồng, 01 lần 1.500.000 đồng). Số tiền này ông trả lãi cho ông H, bà A để ông H, bà A trả tiền lãi cho ông S. Do trả lâu rồi nên ông không nhớ cụ thể ngày trả và khi trả cũng không làm giấy tờ biên nhận gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 190; Điều 195; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn S.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Hồ Văn S, bà Đinh Thị A, ông Nguyễn Văn H với nội dung: Ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A có trách nhiệm trả cho ông Hồ Văn S 60.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A trả cho ông Hồ Văn S 16.545.000 đồng tiền lãi suất phát sinh.

Tổng số tiền ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A có trách nhiệm trả cho ông Hồ Văn S 76.545.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc tuyên ông H, bà A phải trả cho ông S số tiền lãi phát sinh 16.545.000 đồng, vì việc đòi lãi suất của ông S đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, nguyên đơn ông Hồ Văn S giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A, sửa bản án sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar về phần lãi suất.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại bút lục số 19, bà Bùi Thị L xác định khoản tiền mà ông Hồ Văn S cho ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A vay là tiền riêng của ông S, bà L không liên quan đến khoản tiền này và từ chối tham gia tố tụng. Nên cấp sơ thẩm không đưa bà L vào tham gia tố tụng là có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm ông C xác định không liên quan đến việc vay mượn giữa ông S với ông H, bà A. Tuy nhiên, có hai lần ông S cùng ông H, bà A đến nhà ông C lấy 4.000.000 đồng là tiền lãi mà ông C trả lãi cho khoản tiền vay của ông H, bà A. Còn việc ông H, bà A giao lại cho ông S hay không thì ông C không biết. Ông C từ chối tham gia tố tụng. Bởi vậy, ông C và bà L không có quyền lợi và nghĩa vụ gì quan trọng trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào hợp đồng vay mà ông S xuất trình: Khoản tiền vay 60.000.000 đồng với lãi suất 02%/tháng, ông S đã nhận 11 tháng tiền lãi từ ngày 10/02/2012 âm lịch đến ngày 10/01/2013 âm lịch, tức là: $11 \text{ tháng} \times 02\%/\text{tháng} \times 60.000.000 \text{ đồng} = 13.200.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra, ông S còn nhận thêm các khoản tiền lãi cụ thể: Ngày 10/01/2013 nhận 2.200.000 đồng; ngày 12/11/2013 nhận 1.500.000 đồng; ngày 21/11/2013 nhận 2.500.000 đồng; ngày 18/8/2014 nhận 1.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền lãi mà ông S đã nhận 20.400.000 đồng.

Vì mức lãi suất 02%/tháng mà các bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định pháp luật nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Về thời hạn trả nợ các bên không thống nhất được với nhau, đồng thời trong hợp đồng vay cũng không thể hiện thời hạn trả nợ, nên xác định thời hạn trả nợ tính từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 10/5/2017.

- Về lãi suất trong hạn, tính từ ngày 02/3/2012 đến ngày 10/5/2017 là: $(60.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 1893 \text{ ngày}) : 30 = 28.395.000 \text{ đồng}$.

- Về lãi suất quá hạn, tính từ ngày 11/5/2017 đến ngày 31/7/2017 là: $(60.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 150\% \times 80 \text{ ngày}) : 30 = 1.800.000 \text{ đồng}$

- Tổng lãi trong hạn và quá hạn là 30.195.000 đồng.

- Số tiền lãi mà bị đơn còn phải trả là: 30.195.000 đồng – 20.400.000 đồng = 9.795.000 đồng.

- Tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả là 69.795.000 đồng.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A trả cho ông Hồ Văn S 16.545.000 đồng tiền lãi suất phát sinh là không đúng, vì vậy, HĐXX thấy rằng cần sửa lại về phần lãi suất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm không tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà lại buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A, HĐXX thấy rằng: Từ thời điểm khởi kiện đến thời điểm xét xử sơ thẩm các bên đương sự không có ai yêu cầu xem xét về thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

Như vậy ở cấp sơ thẩm, ông H, bà A không yêu cầu xem xét về thời hiệu tính lãi nhưng lại kháng cáo về phần này, do đó ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A không chấp nhận trả số tiền lãi phát sinh cho ông S vì lý do đã hết thời hiệu là không có căn cứ.

[4] Về án phí DSST:

Ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A phải chịu: $05\% \times 69.795.000 \text{ đồng} = 3.489.750 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn S phải chịu: $05\% \times (68.400.000 \text{ đồng} - 9.795.000 \text{ đồng}) = 05\% \times 58.605.000 \text{ đồng} = 2.930.250 \text{ đồng}$.

[5] Về án phí DSPT: Vì sửa bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A.

- *Sửa bản án sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện E về phần lãi suất.*

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn S. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A phải có trách nhiệm trả cho ông Hồ Văn S số tiền 69.795.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả 58.605.000 đồng tiền lãi suất phát sinh.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất khi thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[2] Về án phí DSST:

Ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A phải chịu 3.489.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn S phải chịu số tiền 2.930.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 3.210.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002715 ngày 10/5/2017 Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E. Ông Hồ Văn S được nhận lại 279.750 đồng.

[3] Về án phí DSPT:

Ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị A không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí DSPT mà ông H và bà A đã nộp lần lượt tại biên lai số AA/2016/0002996 ngày 01/9/2017 và AA/2016/0002995 ngày 01/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E được khấu trừ vào tiền án phí DSST. Ông H và bà A còn phải chịu 2.889.750 đồng tiền án phí DSST.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết